

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lon
2. Ông Lê Văn Lưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N - tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18/5/2018, bản tự khai ngày 08/6/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Võ T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N ngày 25/5/2002, Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyền số 01/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng gần đây anh T thường xuyên ăn nhậu về nhà kiêu chuyện chửi mắng vợ

con, đập phá đồ đạc trong nhà, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, kinh cãi kéo dài. Từ đầu năm 2018 cho đến nay anh T và chị đã sống xa nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Chị T xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh T có 02 con chung tên Võ Thị Thảo T- Sinh ngày 17/02/2004 và Võ Nguyễn Ngọc T - sinh ngày: 10/01/2011.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc 02 con chung Võ Thị Thảo T và Võ Nguyễn Ngọc T cho đến khi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Võ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2018 bị đơn anh Võ T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 25/5/2002, Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyền số 01/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn do chị T đi làm tụ tập bạn bè, bỏ bê gia đình nên vợ chồng có kinh cãi, trong lúc nóng giận anh có đập phá đồ trong nhà. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Anh T còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh Võ T cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung Võ Nguyễn Ngọc T - sinh ngày: 10/01/2011 cho đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao con chung Võ Thị Thảo T - Sinh ngày 17/02/2004 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ T để hòa giải nhưng anh Tuấn không có mặt tại trụ sở Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Võ T ở Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Anh Võ T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 25/5/2002, Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyền số 01/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T là hợp pháp.

[2.2] Trong quá trình sống chung, hạnh phúc đến 02 năm gần đây anh T và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dù chị T đã cố gắng khuyên can và chịu đựng nhưng mâu thuẫn giữa anh T và chị T ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa nên chị Thân và anh Tuấn đã sống xa nhau. Đến nay, tình cảm của chị T đối với anh T không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Võ T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3] Mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: anh Võ T và chị Nguyễn Thị T đều xác định anh T và chị T có 02 con chung là Võ Thị Thảo T - Sinh ngày 17/02/2004 và Võ Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 10/01/2011. Anh T và Chị T đều có yêu cầu được nuôi con chung, nhưng theo trình bày của Võ Thị Thảo T- Sinh ngày 17/02/2004 và Võ Nguyễn Ngọc T - sinh ngày: 10/01/2011 tại Biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa đều có nguyện vọng được ở với chị T. Hơn nữa, hiện nay hai cháu Ngọc T và Thảo T đang được chị T nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo 02 cháu T và T được đảm bảo cuộc sống đầy đủ theo qui định tại Điều 69, Điều 72 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu T và T đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Võ T.

2 - Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao 02 cháu Võ Thị Thảo T - Sinh ngày 17/02/2004 và Võ Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 10/01/2011 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh Võ T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3 - Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003917 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5 - Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N ;
- Chi cục THA thị xã N;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Nhất Anh